

TP. HCM, ngày 03 tháng 07 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Công ty : Cổ phần Công nghiệp Cao su miền Nam
Mã chứng khoán: CSM
Địa chỉ trụ sở chính: 180 Nguyễn thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: 08-38362373
Fax: 08-38362633
Người thực hiện công bố thông tin : Nguyễn Minh Thiện
Địa chỉ: 599(số cũ 70D) Lý Thường Kiệt, P8, Q Tân Bình,TP.HCM
Điện thoại : 0903922020
Loại công bố thông tin: 24 giờ.

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 03/07/2018, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su miền Nam đã chính thức ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2018 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 với Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) theo hợp đồng số 217/HĐKT/TC/2018/AASCS (gửi kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao su miền Nam, ngày 03/07/2018, tại đường dẫn :

<http://www.casumina.com/thong-tin-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN
Phó Tổng Giám Đốc



NGUYỄN MINH THIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 217/ HĐKT/TC/2018/AASCS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2018

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018 và kiểm toán báo cáo tài chính cả năm 2018 của Công ty Cổ Phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Người đại diện : **PHẠM HỒNG PHÚ**
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : Số 180, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, TP. HCM
Email : ; Tel: 9 303 922; Fax: 9 303 205
Mã số thuế : 0300419930

BÊN B : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Người đại diện : **LÊ KIM NGỌC**
Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : Số 29 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, TP. HCM
Email : info@aacsc.com.vn; Tel: 08 38205944; Fax: 08 38205942
Mã số thuế : 0305011729
Tài khoản số : 30277489 (VND) – 30277509 (USD)
Tại Ngân hàng : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018 kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính cả năm 2018 của bên A kết thúc ngày 31/12/2018, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Phương thức thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán được chia làm 2 kỳ (6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm); kỳ kiểm toán 6 tháng đầu năm sẽ phát hành Báo cáo kiểm toán cho BCTC tại ngày 30/06/2018, kỳ kiểm toán 6 tháng cuối năm sẽ phát hành Báo cáo kiểm toán cho cả năm 2018.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của bên A:

Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một cho bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A 10 (Mười) bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

ĐIỀU 4 : PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ: Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: 235.000.000 VND

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn).

0047
CÔNG
CỐ P
NG I
CÁC
MIỀN
3-T.P

1720
G TY
EM HỮU
J TUV
I KẾT
M TOÁN
A NAM
PH HỒ C

Trong đó:

- Kiểm toán BCTC 6 tháng đầu năm 2018 là : 100.000.000 VND
- Kiểm toán BCTC cả năm 2018 là : 135.000.000 VND

Phí dịch vụ chưa bao gồm 10% thuế GTGT.

Điều khoản thanh toán (theo thỏa thuận):

- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên B.
- Bên A sẽ ứng trước cho Bên B 50% giá trị hợp đồng ngay khi Bên B triển khai thực hiện hợp đồng, số tiền còn lại Bên A sẽ thanh toán dứt điểm một lần cho Bên B ngay sau khi bên B hoàn thành công tác kiểm toán và bàn giao báo cáo kiểm toán cho Bên A để thanh lý hợp đồng.
- Nếu Bên A có yêu cầu Bên B cung cấp dịch vụ tư vấn thuế, tư vấn tài chính, kế toán.... Thì nội dung công việc và mức phí sẽ được thỏa thuận sau, ngoài hợp đồng này (nếu chưa ghi tại điều 1 và điều 4)

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
CAO SU MIỀN NAM**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



PHẠM HỒNG PHÚ

LÊ KIM NGỌC